

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST

Ngày: 19 – 4 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Bé Ngọc
- Ông Nguyễn Đông Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60A/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Bé S (tên gọi khác: Tù), sinh năm: 1958

Địa chỉ: Ấp 6, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Châu Văn B, sinh năm: 1975

Bà Đinh Thị T, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Ấp 6, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Đặng Thị Bé S trình bày: Bà Sáu khởi kiện đề yêu cầu ông Châu Văn B và bà Đinh Thị T trả số tiền đã vay, cụ thể như sau:

Ngày 15/3/2012 bà Sáu cho vợ chồng ông B vay 40.000.000 đồng; Ngày 20/5/2012 bà Sáu cho vay thêm 25.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, đã đóng lãi được 9.800.000 đồng thì ngưng.

Ngày 24/4/2022 vợ chồng bà T vay thêm 180.000.000 đồng, đến ngày 19/5/2022 bà T và ông B vay 15.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng, tổng cộng 195.000.000 đồng, đã đóng lãi được 11.000.000 đồng thì ngưng.

Ngày 29/4/2022 bà T và ông B hỏi vay thêm 08 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 06 chỉ vàng 18k (loại 75%), lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng.

Tất cả các lần vay hai bên đều làm biên nhận nợ, sau khi bà T và ông B đóng lãi được một thời gian thì ngưng không đóng tiếp, bà Sáu có yêu cầu trả tiền, vàng nhiều lần nhưng vợ chồng ông B chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện kéo dài đến nay. Vì vậy bà Sáu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông B và bà T trả số tiền còn nợ 260.000.000 đồng; 08 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 06 chỉ vàng 18k (loại 75%). Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 195.000.000 đồng; 08 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 06 chỉ vàng 18k (loại 75%).

Bị đơn Đinh Thị T và Châu Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham dự phiên họp, kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành ghi được lời khai của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Đặng Thị Bé S khởi kiện yêu cầu bị đơn Đinh Thị T và Châu Văn B, địa chỉ ấp 6, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang trả số tiền đã vay còn nợ, vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn: Bị đơn Nguyễn Văn Quyền và Phạm Thị Diệu đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ và Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Bé S:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các bị đơn trả 195.000.000 đồng theo tờ thỏa thuận ngày 24/4/2022 và ngày 19/5/2022; 08 chỉ vàng 24k, loại 9999 và 06 chỉ vàng 18k theo tờ thỏa thuận ngày 29/4/2022; Đối với các phần tiền vay khác thì bà Sáu rút lại chưa yêu cầu Tòa án giải quyết; Xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn đối với các khoản vay theo biên nhận nợ ngày 15/3/2012 và ngày 20/5/2012. Nguyên đơn được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[2.2] Xét tờ thỏa thuận ngày 24/4/2022 và ngày 19/5/2022 đối với số tiền 195.000.000 đồng: Tờ thỏa thuận trên có chữ ký của người nhận tiền là bà Đinh Thị T và ông Châu Văn B, nên xác định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng.

[2.2] Đối với tờ thỏa thuận ngày 29/4/2022 số vàng 08 chỉ vàng 24k, loại 9999 và 06 chỉ vàng 18k, tờ thỏa thuận trên chỉ có chữ ký của bà T mà không có chữ ký của ông B, nguyên đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh số tiền trên là nợ chung của 2 vợ chồng nên không có cơ sở xác định nợ chung; Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng thừa nhận giao vàng trực tiếp cho bà T, không có mặt ông B nên cũng thống nhất chỉ yêu cầu bà T có trách nhiệm trả số vàng đã vay trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy việc ông bà T và ông B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vàng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó việc nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu bị đơn trả số tiền và vàng còn nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả lãi suất chậm trả trong giai đoạn xét xử nên không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 5% án phí giá ngạch trên tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn, cụ thể như sau:

Tại thời điểm xét xử: giá vàng 9999 loại 24k có giá 7.490.000^d/chỉ x 08 chỉ = 59.920.000 đồng.

Giá vàng 18k (loại 75%) có giá 5.480.000^d/chỉ x 06 chỉ = 32.880.000 đồng.

Tổng cộng: 195.000.000^d + 59.920.000^d + 32.880.000^d = 287.800.000^d

Như vậy số tiền các bị đơn phải nộp là 14.390.000^d (*Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Bé S.

Buộc bị đơn Châu Văn B và Đinh Thị T có trách nhiệm liên đới trả lại cho nguyên đơn Đặng Thị Bé S số tiền còn nợ 195.000.000^d (*Một trăm chín lăm triệu đồng*).

Buộc bị đơn Đinh Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Đặng Thị Bé S 08 chỉ vàng 24k (loại 9999) và 06 chỉ vàng 18k (loại 75%).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn Đinh Thị T và Châu Văn B phải nộp 14.390.000^d (*Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Nguyên đơn Đặng Thị Bé S là người cao tuổi được miễn tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CCTHADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đào Thị Thủy